BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030

HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI

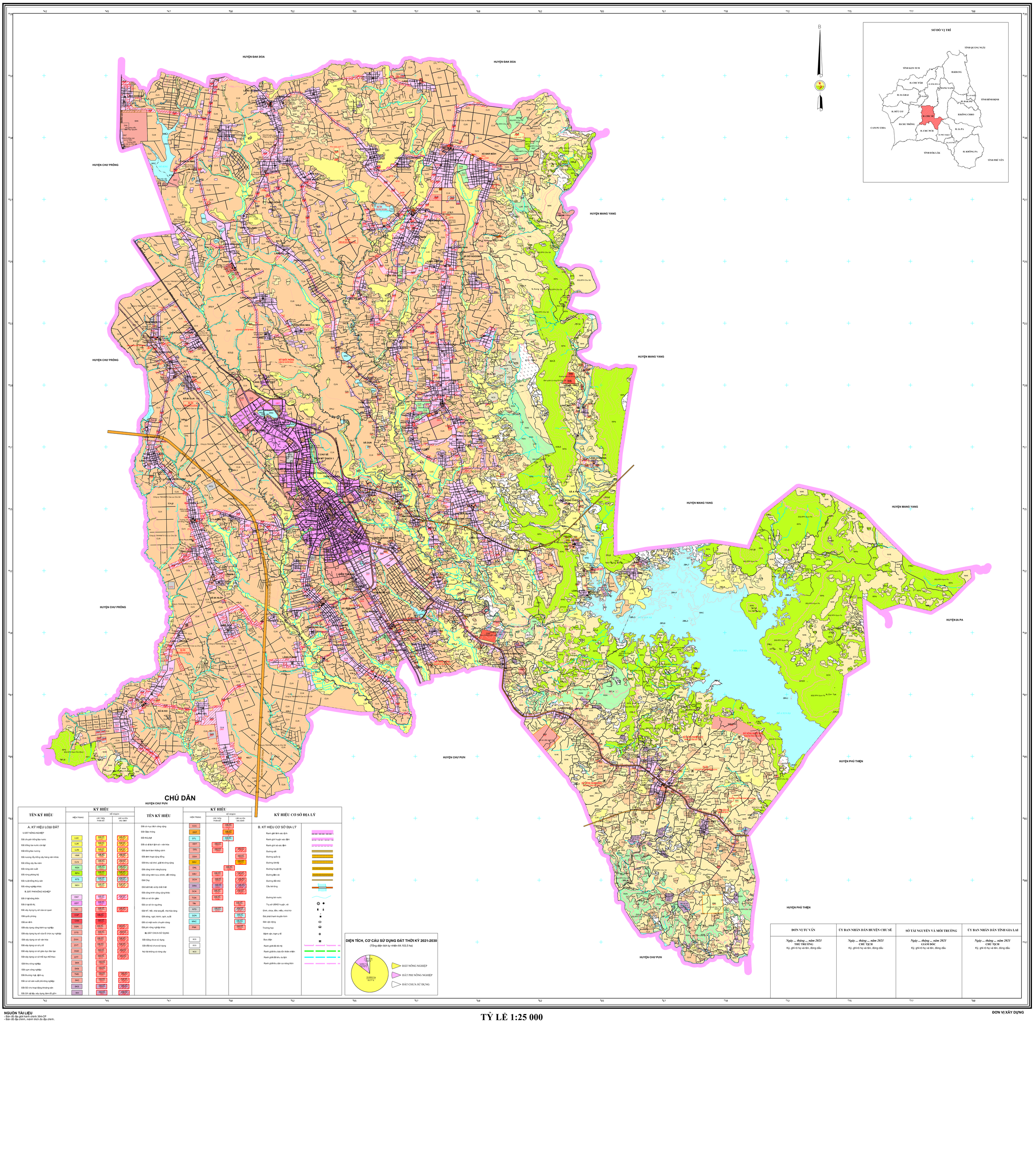

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG	KẾ HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỔ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH
A. KÝ HIỆU LOẠI ĐẤT			
I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP			
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	mã KH	mã KH
Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	mã KH	mã KH
Đất trồng lúa nương	LUN	mã KH	mã KH
Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	HNK	mã KH	mã KH
Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã KH	mã KH
Đất rừng sản xuất	RSX	mã KH	mã KH
Đất rừng phòng hộ	RPH	mã KH	mã KH
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	mã KH	mã KH
Đất nông nghiệp khác	NKH	mã KH	mã KH
II. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP			
Đất ở tại nông thôn	ONT	mã KH	mã KH
Đất ở tại đô thị	ODT	mã KH	
Đất xây dựng trụ sở của cơ quan	TSC	mã KH	mã KH
Đất quốc phòng	CQP	mã KH	
Đất an ninh	CAN	mã KH	
Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	mã KH	mã KH
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	mã KH	mã KH
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	mã KH	mã KH
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	mã KH	mã KH
Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	mã KH	mã KH
Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	mã KH	mã KH
Đất khu công nghiệp	SKK	mã KH	
Đất cụm công nghiệp	SKN	mã KH	
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	mã KH	mã KH
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã KH	mã KH
Đất SD cho hoạt động khoáng sản	SKS	mã KH	mã KH
Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	mã KH	mã KH

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG	KẾ HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỔ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH
Đất có mục đích công cộng	CCC	mã KH	
Đất Giao thông	DGT	mã KH	
Đất thủy lợi	DTL	mã KH	
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	mã KH	mã KH
Đất danh lam thắng cảnh	DDL	mã KH	mã KH
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		mã KH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		mã KH
Đất công trình năng lượng	DNL	mã KH	
Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	mã KH	mã KH
Đất Chợ	DCH	mã KH	mã KH
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	mã KH	mã KH
Đất công trình công cộng khác	DCK	mã KH	mã KH
Đất cơ sở tôn giáo	TON	mã KH	
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		mã KH
Đất NT, NĐ, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		mã KH
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	mã KH	mã KH
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	mã KH	mã KH
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	mã KH	mã KH
III. ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG			
Đất bằng chưa sử dụng	BCS		
Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
Núi đá không có rừng cây	NCS		

KÝ HIỆU CƠ SỞ ĐỊA LÝ	
B. KÝ HIỆU CƠ SỞ ĐỊA LÝ	
Ranh giới tỉnh xác định	
Ranh giới huyện xác định	
Ranh giới xã xác định	
Đường sắt	
Đường quốc lộ	
Đường tỉnh lộ	
Đường huyện lộ	
Đường liên xã	
Đường đất nhỏ	
Cầu bê tông	
Đường bờ nước	
Trụ sở UBND huyện, xã	
Đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ	
Đài phát thanh truyền hình	
Sân vận động	
Trường học	
Bệnh viện, trạm y tế	
Bưu điện	
Ranh giới đất đô thị	
Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên	
Ranh giới đất khu du lịch	
Ranh giới khu dân cư nông thôn	

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030

(Tổng diện tích tự nhiên 64.103,5 ha)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
Ngày ... tháng ... năm 2021 **THỦ TRƯỞNG** Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu	*Ngày ... tháng ... năm 2021* **CHỦ TỊCH** Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu	*Ngày ... tháng ... năm 2021* **GIÁM ĐỐC** Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu	*Ngày ... tháng ... năm 2021* **CHỦ TỊCH** Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ địa giới hành chính 364-CP
- Bản đồ địa chính, mảnh trích đo địa chính.

TỶ LỆ 1:25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG